TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04 – 8 – 2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Sang

Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thu B, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: Ấp Nh M B, xã T Ph, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Ấp Nh M B, xã T Ph, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thu B trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hoàng M tự tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Ph, huyện Thới Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2008 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không hạnh phúc, đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Bà Thu B xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với ông M được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà Thu B xác định bà và ông M có 02 người con tên Nguyễn Hoàng Ng sinh ngày 12/5/2007 và Nguyễn Bích Ng sinh ngày 22/6/2009, hiện đang sống cùng với bà ông M. Khi ly hôn bà Thu B yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu Ng và Ng1, không yêu cầu ông M cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà Thu B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Thu B xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Hoàng M nhưng ông M không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thu B, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M.

[2] Về hôn nhân: Bà Thu B với ông M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thu B với ông Nguyễn Hoàng M được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà Thu B xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại phiên tòa bà Thu B xác định không còn tình cảm với ông M và cũng không thể tiếp tục chung sống với ông M được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông M; đối với ông Nguyễn Hoàng M, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của bà Thu B nhưng ông M không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Thu B, điều này cho thấy ông M đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa, mặt khác, vào ngày 02/5/2023 giữa ông M và bà Thu B có lập văn bản thỏa thuận ly hôn. Từ đó cho thấy hôn nhân của bà Thu B với ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Thu B, cho bà Thu B được ly hôn với ông M là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Hoàng Ng sinh ngày 12/5/2007 và Nguyễn Bích Ng sinh ngày 22/6/2009. Khi ly hôn bà Thu B yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai cháu Ng và Ng1; đối với ông

M không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Thu B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao các cháu Ng và Ng1 cho bà Thu B được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Ng và Ng1; đối với việc cấp dưỡng cho con bà Thu B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Thu B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với ông M không có ý kiến gì về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Thu B xác định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với ông M không có ý kiến gì về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thu B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thu B. Cho bà Nguyễn Thu B được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Hoàng Ng sinh ngày 12/5/2007 và Nguyễn Bích Ng sinh ngày 22/6/2009 cho bà Thu B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thu B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003580 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; bà Thu B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Thu B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Phú, huyện Thới Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tiêu Hồng Phượng